

ĐÔI NÉT VỀ KHỞI NGUYÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM DÒNG HỌ CỦA NGƯỜI VIỆT (KINH)

NGUYỄN DƯƠNG BÌNH

Dòng họ có những tên gọi khác nhau nhưng về cơ bản cùng chung một ý nghĩa như: gia tộc, tộc họ, họ, tính; trong đó *họ, tính* mang nghĩa rộng hơn, tuy có thể cùng tên nhưng có khi không cùng một huyết thống.

Nói một cách đơn giản, dòng họ hay gia tộc là một ông tổ sinh ra thường được gọi là thủy tổ. Trong quá trình phát triển một họ, một dòng họ được chia thành nhiều chi, nhiều phân chi thông thường được gọi là ngành, là nhánh.

Ở đây, chúng tôi chủ yếu nói đến dòng họ, gia tộc người Việt (Kinh) mà chưa đề cập đến dòng họ, gia tộc của các dân tộc thiểu số anh em cư trú trên đất nước ta.

Trong lịch sử loài người, vào thời kỳ xa xưa được gọi là giai đoạn công xã nguyên thủy. Đó là thời kỳ thị tộc, bộ lạc. Xã hội thị tộc lấy quan hệ huyết thống làm cơ sở chủ yếu. Những người trong cùng một thị tộc có chung một huyết thống, nghĩa là có chung một nguồn gốc. Trong thị tộc có thị tộc mẫu hệ và thị tộc phụ hệ. Mẫu hệ theo dòng mẹ, người phụ nữ là thủy tổ của thị tộc, có vai trò quan trọng to lớn trong thị tộc. Thị tộc phụ hệ theo dòng cha, do một người đàn ông thủy tổ - và, vai trò người đàn ông chiếm vị quan trọng, chỉ đạo trong đời sống thị tộc. Lịch sử phát triển, chế độ thị tộc - bộ lạc tức là giai đoạn công xã nguyên thủy

cáo chung. Huyết thống hay dòng máu không còn là cơ sở của tổ chức xã hội.

Song quan hệ huyết thống, dòng máu không mất đi mà nó được bảo lưu, được tiếp nối trong những xã hội tiếp theo, thường gọi là xã hội có giai cấp. Cơ sở xã hội lúc này đã biến đổi. Dòng họ, gia tộc, tộc họ có thể xem là sự tiếp nối của thời kỳ thị tộc - bộ lạc. Nó lấy huyết thống, quan hệ thân thuộc làm cơ sở, nhưng đã có sự biến đổi về chất vì phương thức sản xuất đã thay đổi.

Dòng họ ở nước ta hay nói cụ thể hơn, dòng họ của người Việt đã có hàng ngàn năm lịch sử. Như vậy dòng họ được hình thành vào cuối giai đoạn công xã nguyên thủy và vào đầu thời kỳ có Nhà nước. Trải qua hàng ngàn năm, dòng họ người Việt đã có nhiều biến đổi. Hiện nay chúng ta không có nhiều sử liệu về mặt này, do vậy nghiên cứu lịch sử dòng họ người Việt (Kinh) không gặp nhiều khó khăn.

Một vấn đề được đặt ra, tên dòng họ có từ bao giờ? Theo chúng tôi, dòng họ hay gia tộc đã có trước khi có tên dòng họ (non de famille - family name). Có thể trong một thời gian dài, người Việt chưa có tên của dòng họ. Như chúng ta đã biết, người Mường có cùng nguồn gốc với người Việt, người anh em sinh đôi. Thời xa xưa người Mường và người Việt thuộc một tộc người trong những điều kiện lịch

sử nhất định, Việt và Mường mới tách thành hai tộc người như hiện nay. Ở người Mường, trước cách mạng Tháng Tám (1945) thường chỉ có những tầng lớp lang đạo (quí tộc) mới có họ riêng như Đinh, Quách, Bách, Hoàng Hà, Xa v.v... Còn nhân dân lao động ở những vùng Mường ruộng thường chỉ có một họ Bùi. Tuy cùng chung họ Bùi, nhưng thật ra họ không có quan hệ huyết thống, thân thích với nhau. Như vậy, vào một thời kỳ lịch sử nhất định người Mường chưa có tên của dòng họ. Song dòng họ, quan hệ huyết thống, thân thuộc vẫn có nghĩa là vẫn tồn tại những dòng họ của mình qua sự truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cũng tương tự như vậy, nhiều cư dân bản địa thuộc ngôn ngữ Môm - Khome hay Malayô - Pôli- nêdiêng, trong thời gian gần đây vẫn chưa xuất hiện tên của dòng họ.

Chẳng hạn, người Bru - Vân Kiều ở Bình Trị Thiên không có tên dòng họ, cách đây không lâu họ lấy họ Hồ (họ của Chủ tịch Hồ Chí Minh) làm họ của mình. Hoặc một nhân vật nổi tiếng ở Tây Nguyên là anh hùng Núp (đã có thời kỳ gọi là Đinh Núp) vẫn chưa có tên của dòng họ. Nhiều người thuộc ngữ hệ Malayô- Pôlinêdiêng cũng có trường hợp tương tự. Nhiều sách sử trước kia của chúng ta, dựa theo những sách vở của thư tịch Trung Quốc gọi tổ tiên của người Việt là họ Hồng Bàng.

Nhiều sách cổ của ta như Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái..., ghi lại các truyền thuyết của dân gian, nhưng chưa thể coi đó là những sách sử.

Chẳng hạn, họ của Hai Bà Trưng, Lý Tế Xuyên viết: "tỉ danh Trắc, muội danh Nhị, hữu tính Hùng, nãi ngã Giao Châu, Hùng tướng chi nữ... lược định Lĩnh Nam lục thập dư thành, tự

lập vi Việt Vương, Tri Chu Diên, thủy xưng Trung thị" (Lý Tế Xuyên: *Việt Điện U Linh*, Nhị Trưng phu nhân) có nghĩa là: "Chị tên Trắc, em gái tên Nhị, vốn họ Hùng, là con gái Hùng Tướng (hoặc Lạc Tướng) ở Châu Giao ta... đẹp yên hơn 60 thành ở Lĩnh Nam tự lập làm vua Việt, đóng đô ở Chu Diên, mới xưng họ Trưng". Trong Lĩnh Nam chích quái cũng ghi tương tự như vậy. Có lẽ dựa vào đó, tác giả của Đại Việt sử ký toàn thư cũng chép, Hai Bà "nguyên họ Lạc", sau khi " tự lập làm vua mới xưng họ Trưng" (ĐVSKTT, NXBKHXH, H, 1967, tr 91) Thực ra Hùng hay Lạc, hai từ này tương tự như nhau (雄, 各佳) không phải là họ, chỉ là hai danh từ phiên âm tiếng Việt cổ.

CL.Madolle trong bài Le TonKin ancien, cho rằng vào đầu Công nguyên, người Việt chưa có họ, và từ Trưng của Hai Bà không phải là họ (tộc danh). Cùng thời với Hai Bà, ta thấy có bà Man Thiện mẹ của Hai Bà, Thi Sách chồng của Trưng Trắc, Man và Thi không phải là họ của hai nhân vật lịch sử trên. Trong *Phủ biên tạp lục*, vào thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn có nhận xét "người Chiêm Thành không có họ, ai có họ là người Việt".

Qua một vài chứng liệu trên, chúng tôi nghĩ rằng xưa kia, ít ra vào thời kỳ đầu công nguyên, người Việt chưa có tên họ - có nhiều khả năng, tên của dòng họ được du nhập từ phương Bắc vào giai đoạn đầu của thời kỳ Bắc thuộc, cho đến cuộc kháng chiến của Hai Bà, bọn xâm lược phương Bắc còn thi hành chính sách "Ki mi" (ràng buộc lỏng lẻo) chủ yếu chiếm đoạt sức người sức của, còn rất ít chú ý đến truyền bá văn hoá. Sau đó, chúng mới chia đặt lại quận huyện, đem luật lệ Trung Quốc áp đặt thay cho các luật tục của người Việt cổ. Thời kỳ Bắc thuộc, bọn xâm lược không chỉ áp đặt sự

đô hộ, thủ tiêu nền tự chủ của tổ tiên ta mà chúng còn định xoá bỏ nền văn hoá Việt, đồng hoá người Việt. Tuy nhiên, chúng đã thất bại trong việc đồng hoá, song trong hàng ngàn năm Bắc thuộc, văn hoá Hán đã ảnh hưởng không ít đến văn hoá Việt và một trong những biểu hiện đó là sự xuất hiện tên các dòng họ người Việt giống như tên các dòng họ của người Hán. Trên một chừng mực nhất định, tổ chức dòng họ người Việt cũng chịu ảnh hưởng của người Hán.

Trong số hơn 100 tên dòng họ người Việt, đại bộ phận trùng với tên dòng họ của người Hán. Qua đó có thể nghĩ rằng tên dòng họ của người Việt đã du nhập từ phương Bắc. Như vậy, tên dòng họ của người Việt có thể xuất phát từ hai yếu tố. Yếu tố thứ nhất, người Việt mượn tên các dòng họ của người Hán. Yếu tố thứ hai, nhiều người Hán di cư sang từ thời Bắc thuộc, qua nhiều thế hệ họ đã bị Việt hoá nhưng vẫn giữ lại họ gốc của mình từ trước khi di cư sang Việt Nam.

Tuy nhiên, dòng họ của người Việt cũng có những nét đặc biệt với dòng họ người Hán. Dòng họ Việt nằm trong nền văn hoá và xã hội của Việt Nam, theo phong tục tập quán, tín ngưỡng... của người Việt. Còn dòng họ người Hán theo văn hoá Hán. Sự khác nhau về văn hoá của hai dân tộc ít nhiều cũng là sự khác nhau của các dòng họ. Có thể nêu một vài điểm, chế độ tôn tộc của người Hán có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống của hương thôn Trung Quốc, còn dòng họ người Việt lại là một bộ phận, hoà quyền trong đời sống cộng đồng của làng xã. Đời sống vật chất và tinh thần của dòng họ Việt nằm trong đời sống chung của làng xóm. Tình làng nghĩa xóm cũng bao trùm lên tình cảm của các dòng họ.

Một vấn đề khác người ta thường nói đến chế độ cửu tộc của người Hán và ở người Việt cũng có chế độ cửu tộc. Vấn đề có thực sự tồn tại hay không còn là vấn đề tồn nghi cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu lý do được viện dẫn là tên gọi của các thế hệ. Song vấn đề tên gọi các thành viên lại mang ý nghĩa khác là hệ thống thân tộc (système de parenté). Nghiên cứu hệ thống thân tộc, qua đó thấy được tính chất của hôn nhân và gia đình trong lịch sử. Qua tên gọi chúng ta thấy có sự khác nhau giữa các dòng họ của tộc người.

Thí dụ:

Việt	Hán
Ông tổ	Thủy tổ
5. Kỵ (Kỵ ông, kỵ bà)	Cao tổ phụ-mẫu
4. Cự (Cự ông, cự bà)	Tằng tổ phụ-mẫu
3. Ông - bà	Tổ phụ - mẫu
2. Cha - mẹ	Phụ - mẫu
1. Ego(tôi)	
2. Con	Tử
3. Cháu	Tôn
4. Chắt	Tằng tôn
5. Chút	Huyền tôn
.....	Viễn tôn

Nếu ngược lên từ Ego(tôi), tiếng Việt có những từ không giống với từ Hán, cũng không thể căn cứ vào đó mà có thể kết luận chế độ cửu tộc người Hán cũng là chế độ cửu tộc người Việt. Chế độ của tộc người Hán khá chặt chẽ, trong đó quyết định về mặt thứ bậc, về quyền lợi nghĩa vụ của các thành viên, việc để tang, thời hạn để tang của từng thành viên có liên quan đến bản thân.

Cái gọi là chế độ cửu tộc của người Việt, thực tế có tồn tại hay không là một vấn đề cần nghiên cứu thêm, nếu có cũng khá mờ nhạt và không có quy định

gì chặt chẽ và thật cụ thể. Điều này chúng ta chế độ tên họ của người Hán rất mạnh mẽ, vai trò của nó trong xã hội, cũng như trong từng dòng họ có ảnh hưởng rất lớn. Ngay trong thời cận, hiện đại của Trung Quốc ảnh hưởng của tứ đại gia, bốn gia đình lớn như Tống, Trương, Khổng, Trần đã chi phối và có ảnh hưởng không nhỏ đến lịch sử Trung Quốc. Do "phong tục Bắc Nam cũng khác" văn hoá người Việt và văn hoá Hán có nhiều khác biệt, nên chế độ người Việt và chế độ gia tộc của người Hán cũng có nhiều nét khác biệt. Chế độ người Việt gắn bó khăng khít với xã hội và văn hoá Việt Nam.

Xã hội nào thì gia đình đó (hay nói rộng ra là dòng họ) như vậy. Xã hội quy định nội dung, tính chất gia đình. Xã hội phong kiến sẽ đẻ ra gia đình phong kiến, về đại thể, gia đình không thể tách ra khỏi xã hội.

Việc nghiên cứu gia đình và dòng họ phải có cái nhìn lịch sử và biện chứng. Việc nghiên cứu, phân tích chế độ dòng họ hay gia tộc của người Việt có ý nghĩa quan trọng nhất định về chế độ gia tộc phụ quyền là đặc điểm đáng lưu ý của xã hội Việt Nam trước đây và trên một chừng mực nào đó nó có ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội Việt Nam.

Khi nói đến dòng họ, hay nói rộng ra là họ, chúng ta cần lưu ý đến họ nội và họ ngoại. Họ ngoại thuộc những người thân quyến về đằng mẹ, họ ngoại cũng chiếm một vai trò không nhỏ trong quan hệ thân thích. Nhưng có lẽ ở đây chúng ta chưa đề cập đến, vì nghiên cứu dòng họ được nói đến ở đây là họ nội, những dòng họ có tên cụ thể như Nguyễn, Lê, Trần, Ngô, Vũ, Đỗ v.v...

Dòng họ, gia tộc (hay họ nội) hiểu thông thường là bao gồm những thành viên, những gia đình có cùng một huyết thống do một ông tổ sinh ra. Nói cách

khác người cùng một dòng họ, một gia tộc là những ai liên hệ với nhau về dòng máu về phía người đàn ông.

Ở đây, chúng tôi không đi sâu vào hệ thống tổ chức của dòng họ của người Việt mà chỉ nêu lên một số đặc điểm của dòng họ. Cũng xin nói luôn, nước ta có 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc, mỗi tộc người có hình thức gia đình và dòng họ không giống nhau. Những vấn đề nói đến ở đây là thuộc về dòng họ, gia tộc người Việt.

Đặc điểm đầu tiên của dòng họ người Việt là chế độ gia tộc phụ hệ (hoặc có thể gọi là gia tộc phụ quyền). Quan hệ dòng họ được tính về phía người cha hay người đàn ông. Dòng họ gồm có chi trưởng, các chi thứ, các phân chi gia tộc càng lớn càng đông thì chi thứ và phân chi càng nhiều. Dòng họ người Việt theo chế độ thế tập cha truyền con nối theo dòng trưởng. Như vậy, con trưởng của chi trưởng sẽ là trưởng tộc hay trưởng họ. Họ có nghĩa vụ phải lo chuyện thờ cúng tổ tiên và những việc khác có liên quan đến dòng họ mình. Đến lượt mình, người trưởng nam của các chi thứ sẽ lo đến chuyện thờ phụng và những việc có liên quan đến chi của mình. Chỉ khi người trưởng nam không có con trai, người ta mới lấy những anh em ruột thay thế chi trưởng, chi thứ hay các phân chi cùng theo nguyên tắc như vậy, trưởng họ hay tộc trưởng là người trông nom chính nhà thờ họ (từ đường) của dòng họ mình, kèm theo quản lý ruộng họ và những tài sản khác, người trưởng họ chỉ có quyền quản lý, chứ không có quyền bán.

Có một điểm cần lưu ý chế độ trưởng nam dòng đích làm trưởng họ chủ yếu ở miền Bắc và miền Trung còn ở Nam Bộ trước đây, tộc trưởng thường là những người lớn tuổi, có danh vọng hoặc giàu có đảm nhiệm, không nhất thiết là

người trưởng nam. Có lẽ Nho giáo ở đây không mạnh mẽ như ở miền Bắc và kinh tế hàng hoá tương đối phát triển nên vai trò của tài lực chiếm một vị trí đáng kể.

Một đặc điểm khác là tinh thần đoàn kết, tương trợ trong dòng họ. Một yếu tố hàng đầu là phải giữ được sự đoàn kết, sự hoà thuận, trong nội bộ dòng họ. Ai gây ra sự mất đoàn kết thiếu hoà thuận trong dòng họ bị lên án. Gia tộc cần phải giữ trong ấm ngoài êm. Hơn nữa, người cùng một dòng họ thường tương trợ giúp đỡ nhau trong ma chay, cưới xin, trong đời sống. Chẳng hạn tinh thần khuyến học, nhiều họ đặt ra lệ thưởng đối với những người trong họ được đỗ đạt, hoặc giúp con nhà nghèo học giỏi có tiền để ăn học, để đi thi. Đó là một truyền thống tốt đẹp của dòng họ trước đây.

Một đặc điểm khác là uống nước nhớ nguồn. Người trong dòng họ ghi nhớ công ơn của ông bà tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên là một trong những biểu hiện đó. Khi tha hương, xa quê người ta thường nhớ về quê cha, đất tổ với bao tình cảm dằm thắm. Người đi xa thường tìm cuội nguồn, gốc tích, bà con họ hàng của mình. Khi nhận biết người cùng họ, cùng dòng họ thì tình cảm thắm thiết hơn, quan tâm đến nhau nhiều hơn. Người ta thường nói: một giọt máu đào hơn ao nước lã.

Nhớ về quê hương, nhớ về tổ tiên họ hàng là một truyền thống đẹp của các dòng họ người Việt.

Một đặc điểm nữa là ý thức củng cố mối quan hệ cộng đồng của dòng họ, của gia tộc. Người ta đề cao tinh thần trách nhiệm của các thành viên đối với dòng họ. Những người có đóng góp cho dòng họ về mặt này hay mặt khác đều được sự đồng tình và hoan nghênh.

Củng cố mối liên hệ cộng đồng của dòng họ thể hiện rõ nét qua các ngày giỗ, ngày kỵ ở nhà thờ họ, trong việc xây

mộ tổ hay tiết thanh minh đi tảo mộ. Đây là những dịp thể hiện sự cố kết giữa các thành viên, giữa các gia đình trong cùng một dòng họ. Tuy nhiên cũng cần thấy mối liên hệ và sự cố kết chủ yếu diễn ra ở phương diện tinh thần còn về phương diện vật chất ngoài nhà thờ họ, ruộng đất (không phải dòng họ nào cũng có) dòng họ không có một cơ sở kinh tế, tài sản vững chắc. Và điều đó làm cho sức mạnh của các dòng họ bị suy giảm. Nhân đây, cũng xin đề cập đến cuộc "cải lương hương chính" của thực dân Pháp vào những năm 20 của thế kỷ này. Mục đích của cuộc "cải lương" là chính quyền muốn nắm chặt các làng xã người Việt. Hội đồng kỳ mục bị giải thể, thay thế bằng Hội đồng tộc biểu, đứng đầu là Chánh, phó hương hội. Theo qui định, họ lớn có nhiều đại biểu họ nhỏ ít người nhiều khi mấy họ mới có một đại biểu. Cuộc "cải lương hương chính" của thực dân Pháp thất bại, vào đầu những năm 40, lại khôi phục lại hội đồng kỳ mục đứng đầu là Tiên, Thứ Chỉ. Một trong những nguyên nhân thất bại là nhà cầm quyền Pháp đánh giá không đúng vai trò của các dòng họ ở làng xã người Việt. Họ quá nhấn mạnh, quá đề cao dòng họ nhưng thực tế không phải như vậy, lòng tự hào về dòng họ cũng là đặc điểm cần quan tâm. Các dòng họ thường tự hào và hài lòng mỗi khi có thành viên, có gia đình trong dòng họ có cống hiến có đóng góp cho làng xóm, cho quê hương, hoặc cao hơn là đối với đất nước. Những người có công đức của dòng họ, công đức càng nhiều, càng lớn càng được đề cao. Các thành viên trong dòng họ đều tự hào và hạnh phúc khi những thành viên của mình làm rạng danh cho dòng họ.

Lòng tự hào này còn mở rộng ra thành sự tự hào chung của làng xóm, của quê hương đối với sự nghiệp chung:

truyền thống đẹp này vừa là truyền thống của các dòng họ, vừa là truyền thống của các làng xóm xưa. Lòng tự hào về dòng họ, về quê hương đất nước vẫn cần tiếp tục trong xã hội mới.

Trên đây là một số đặc điểm chính của các dòng họ người Việt. Đây cũng là những truyền thống tốt đẹp của dòng họ cần tiếp tục và phát huy trong điều kiện mới. Có nhiều dòng họ làm rạng rỡ cho quê hương đất nước, họ mãi mãi được nhân dân ta ghi nhớ công ơn, nhất là những nhân vật, những dòng họ đã có những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Tuy nhiên, sản sinh trong xã hội cũ, xã hội phong kiến và thực dân, dòng họ cũng mang trong nó những dấu ấn của xã hội cũ, một xã hội có áp bức, bóc lột những mặt yếu hay những tiêu cực của dòng họ xưa không phải không có.

Điều dễ thống nhất là sự bất bình đẳng giữa nam và nữ. Trong gia đình và dòng họ xưa không có sự bình đẳng giữa người đàn ông với người phụ nữ. Người phụ nữ không đóng một vai trò gì quan trọng trong dòng họ. Chế độ gia tộc phụ quyền đã hạn chế vai trò của người phụ nữ. Một thể hiện của nó là tư tưởng trọng nam khinh nữ qua câu: "*nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*". Quyền thế tập, quyền trưởng nam đã hạ thấp vai trò của người phụ nữ trong xã hội cũng như trong dòng họ. Tính đẳng cấp và tính giai cấp cũng được thể hiện trong dòng họ. Những gia đình có thế lực, giàu có thường có vai vế trong dòng họ. Những gia đình nghèo không có tiếng tăm thường ở địa vị thấp trong dòng họ. Tuy nó không đậm nét như trong đời sống của làng xóm, của xã hội nhưng nó vẫn tồn tại.

Những họ nghèo, ít người, không có người đỗ đạt, làm quan, giữ chức vụ quan trọng trong làng xã thường bị xem

thường, bị chèn ép trong sinh hoạt chung của xã hội. Những thế gia vọng tộc không khỏi có sự ăn trên ngồi trốc, xem nhẹ những họ nghèo, họ ít người. Một hạn chế, một tiêu cực khác của dòng họ cũ là tư tưởng hẹp hòi, cục bộ nhiều khi đi đến kéo bè kéo cánh, tutướng "một người làm quan, cả họ được nhờ", phân nào phản ảnh tư tưởng trên.

Trong dân gian có câu: "Đi việc làng bênh lấy họ, đi việc họ bênh lấy anh em" qua đó thấy được sự hẹp hòi cục bộ của dòng họ và gia đình cũ.

Tư tưởng "cậy quyền cậy thế" của những gia đình, những dòng họ không phải không có trong lịch sử. Thậm chí, ngay cả giai đoạn hiện nay chuyện kéo bè kéo cánh đưa người của gia đình mình của dòng họ mình vào những tổ chức có quyền lực ở nông thôn không phải hiếm lắm. Trên đây chúng tôi chỉ nêu lên một số mặt hạn chế mặt tiêu cực của các dòng họ trước đây. Khách quan mà nói trong dòng họ cũng như trong gia đình theo kiểu cũ của chế độ cũ không còn phù hợp với xã hội mới như tư tưởng bất bình đẳng nam nữ, trọng nam khinh nữ. Nếu một ví dụ nhỏ, nhiều gia đình, nhất là gia đình ở nông thôn vẫn muốn sinh con trai, dù đã có 2-3 con gái. Người ta vẫn muốn có con trai, để nối dõi tông đường, tuy điều đó không phù hợp với chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình của Nhà nước ta.

Trong lịch sử, một dòng họ, thậm chí ngay trong một gia đình có người rất có công với nước với dân, nhưng trong dòng họ đó cũng có những người để lại tiếng tăm chẳng hay ho gì. Ở những thời kỳ có nhiều biến động lịch sử, cùng một dòng họ, cùng một gia đình có những người có công, nhưng cũng có những người có tội.

(xem tiếp trang 26)